

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo,
hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 2257/QĐ-ĐHTN ngày 23/11/2022 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2022;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 67 thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2022 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Đã*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.(10)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục I

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 8325/QĐ-ĐHTN ngày 30...tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông đối với người tốt nghiệp trình độ đại học														
1	48	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	02/01/1988	Nữ	Dược sĩ	Đại học	6.80	TB Khá	2011		1	21.15	
2	49	Lưu Thị Tú	Anh	27/10/1986	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	7.20	Khá	2010		3	21.60	
3	50	Đoàn Phạm Thanh	Nhân	11/6/1990	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	9.40	Xuất sắc	2012		1	28.95	
4	51	Huỳnh Thị Lữ	Ái	11/02/1981	Nữ	Kinh tế nông nghiệp&PTNT	Đại học	7.23	Khá	2003		1	22.44	
5	52	Huỳnh Minh	Hiền	08/7/1985	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	6.80	TB Khá	2009		1	21.15	
6	53	Kim Thị Hoài	Thương	01/3/1990	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	7.79	Khá	2012		1	24.12	
7	54	Nguyễn Minh	Đức	07/11/1984	Nam	Kinh tế nông lâm	Đại học	6.49	TB Khá	2010		3	19.47	
8	55	Trần Thị Minh	Tâm	10/5/1997	Nữ	Đông Nam Á học	Đại học	6.42	TB Khá	2019		1	20.01	
9	56	Đặng Quỳnh	Hương	17/5/1991	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	7.90	Khá	2013		1	24.45	
10	57	Nguyễn Xuân	Cường	04/4/1990	Nam	Huấn luyện thể thao	Đại học	7.38	Khá	2016		2NT	22.64	

Danh sách gồm 10 thí sinh. *ĐL*



Phụ lục II

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	8	Nguyễn Thị Kim Quy	20/3/1995	Nữ	Tiếng Anh	Cao đẳng	7.26	Khá	2017		1	22.53	
2	9	Lư Thị Thanh Thảo	13/7/1996	Nữ	Tiếng Anh	Cao đẳng	7.13	Khá	2018		1	22.14	
3	10	Nguyễn Thị Minh Trâm	26/3/1995	Nữ	Tiếng Anh	Cao đẳng	8.19	Giỏi	2017		1	25.32	
4	11	Trần Hà Thục Uyên	30/12/1998	Nữ	Tiếng Anh	Cao đẳng	7.48	Khá	2019		1	23.19	

Danh sách gồm 04 thí sinh. *Đã*



Phụ lục IV

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học													
1	101	Trần Xuân Kỳ	23/4/1966	Nam	Trung học sư phạm	Trung cấp	5.00	Trung bình	1990		1	15.75	ĐH
2	102	H Sơ Mi Siu	23/6/1998	Nữ	TC Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	7.20	Khá	2018		1	22.35	
3	103	Dương Thị Xuân	04/5/1979	Nữ	Tiểu học	Trung cấp	7.30	Khá	2000		1	22.65	ĐH
4	104	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	05/8/1994	Nữ	TC Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	7.80	Khá	2001		1	24.15	

Danh sách gồm 04 thí sinh. *DL*



Phụ lục V

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	7	Nguyễn Thanh Bình	11/9/1985	Nam	Giáo dục Thể chất	Cao đẳng	7.90	Giỏi	2016		1	24.45	
2	8	Hoàng Mạnh Cường	10/4/1990	Nam	SP Thể dục-Công tác đội	Cao đẳng	7.57	Khá	2012		2NT	23.21	
3	9	Nguyễn Thành Chung	18/02/1988	Nam	SP Thể dục-Công tác đội	Cao đẳng	7.00	Khá	2012		1	21.75	
4	10	Nguyễn Xuân Trung	10/02/1988	Nam	SP Thể dục-Công tác đội	Cao đẳng	7.45	Khá	2012		1	23.10	

Danh sách gồm 04 thí sinh. 



Phụ lục VII

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú	
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp					
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học														
1	8	A	Hàng	20/4/1998	Nam	Sư phạm Toán - Tin	Cao đẳng	6.87	Trung bình	2020	01	1	23.36	
2	9	Phan Thị Thùy	Linh	29/5/1994	Nữ	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	6.82	Trung bình	2016		1	21.21	
3	10	H Hiền	Kbuôr	15/8/1998	Nữ	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	6.59	Trung bình	2019	01	1	22.52	
4	11	Trần Thị Phương	Nhung	26/11/1978	Nữ	Toán - Lý	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2000	07	2	16.25	

Danh sách gồm 04 thí sinh. *DL*



Phụ lục VIII

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	6	Nguyễn Đức Lãng	29/6/1980	Nam	Hóa - Sinh	Cao đẳng	6.50	TB Khá	2002	07	1	21.25	
2	7	Nguyễn Thị Phụng	28/02/1994	Nữ	Sư phạm Hóa học	Cao đẳng	7.94	Khá	2015	07	1	25.57	

Danh sách gồm 02 thí sinh.

DL



Phụ lục IX

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	13	Bùi Văn Cấp	21/9/1995	Nam	Quản lí đất đai	Cao đẳng	6.07	Trung bình	2020		1	18.96	
2	16	Nguyễn Ngọc Hoàng	26/10/1993	Nam	Quản lí tài nguyên rừng	Cao đẳng	6.25	Trung bình	2018		1	19.50	
Liên thông đối với người tốt nghiệp trình độ đại học													
3	14	Lê Thị Vinh Nghiệp	28/01/1990	Nữ	Nông học	Đại học	7.18	Khá	2012		1	22.28	
4	15	Huỳnh Quốc Tân	20/9/1992	Nam	Công nghệ KT Điện, Điện tử	Đại học	7.29	Khá	2018		3	21.87	

Danh sách gồm 04 thí sinh. *nl*



Phụ lục X
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học													
1	17	Trần Thị Khánh Ninh	15/7/1992	Nữ	Khí tượng	Trung cấp	6.90	TB Khá	2018		2NT	21.20	
2	19	Nguyễn Duy Sáu	06/7/1995	Nam	Chăn nuôi thú y	Trung cấp	6.90	TB Khá	2017		1	21.45	
3	20	Nguyễn Anh Trung	12/12/1992	Nam	Trồng trọt và BVTV	Trung cấp	8.30	Giỏi	2022		1	25.65	
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
4	18	Nguyễn Tiến Sang	12/6/1994	Nam	Khoa học cây trồng	Cao đẳng	7.42	Khá	2017		1	23.01	
Liên thông đối với người tốt nghiệp trình độ đại học													
5	15	Nguyễn Hoàng Chiến	13/02/1989	Nam	Thú y	Đại học	7.03	Khá	2012		1	21.84	
6	16	Trần Danh Hào	12/4/1988	Nam	Kế toán	Đại học	7.19	Khá	2012		1	22.32	
7	21	Phan Thái Trung	24/3/1979	Nam	Công nghệ thông tin	Đại học	8.00	Giỏi	2015		3	24.00	
8	22	Lê Thị Hải Yến	13/10/1988	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	7.41	Khá	2011		2	22.48	

Danh sách gồm 08 thí sinh. Del

Phụ lục XI

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH THÚ Y (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2325/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú	
						Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp					
Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học															
1	17	Châu Văn	Đồng	25/01/1993	Nam	Chăn nuôi - Thú y	Trung cấp	7.30	Khá	2015		2NT	22.40		
2	18	Nguyễn Thị	Hoa	06/8/1996	Nữ	Thú y	Trung cấp	8.30	Giỏi	2019		1	25.65		
3	15	H Như	Niê	01/01/2004	Nữ	Thú y	Trung cấp	7.30	Khá	2022		1	22.65		
4	16	Phan Thị Mỹ	Oanh	03/3/1998	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	Trung cấp	7.10	Khá	2018		1	22.05		
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học															
5	27	Phạm Thị Phương	Anh	25/10/1998	Nữ	Chăn nuôi	Cao đẳng	7.04	Khá	2020		1	21.87		
6	24	Hà Quốc	Bảo	20/02/2000	Nam	Thú y	Cao đẳng	8.70	Giỏi	2022		1	26.85		
7	32	Cao	Đại	20/9/1994	Nam	Chăn nuôi	Cao đẳng	6.34	Trung bình	2018		1	19.77		
8	28	Đào Văn	Đức	19/5/1998	Nam	Chăn nuôi	Cao đẳng	6.15	Trung bình	2021		1	19.20		
9	30	Lê Văn	Hoàng	30/5/1983	Nam	Chăn nuôi - Thú y	Cao đẳng	6.50	TB Khá	2010		1	20.25	XLTN	
10	23	Vũ Duy	Khánh	05/4/2001	Nam	Thú y	Cao đẳng	8.10	Giỏi	2022		1	25.05		
11	26	Phạm Văn	Lực	26/11/1997	Nam	Thú y	Cao đẳng	7.80	Khá	2019		2	23.65		
12	20	Võ Huỳnh	Lý	05/11/1996	Nam	Thú y	Cao đẳng	6.86	TB Khá	2021		1	21.33		
13	21	Châu Thị	Nhi	25/11/2000	Nữ	Dịch vụ thú y	Cao đẳng	7.65	Khá	2020		2NT	23.45		
14	25	Trần Quốc	Tạo	21/7/1990	Nam	Chăn nuôi	Cao đẳng	7.69	Khá	2013		1	23.82		
15	19	Nguyễn Đình	Thành	20/02/1990	Nam	Chăn nuôi	Cao đẳng	7.01	Khá	2013		1	21.78		
16	31	Nguyễn Văn	Thành	10/3/1997	Nam	Chăn nuôi	Cao đẳng	6.24	Trung bình	2019		1	19.47		
17	29	Nguyễn Công	Thế	28/10/1994	Nam	Thú y	Cao đẳng	8.40	Giỏi	2021		2NT	25.70		
18	22	Nguyễn Ngọc	Tường	20/8/1996	Nam	Thú y	Cao đẳng	8.20	Giỏi	2018		1	25.35		
Liên thông đối với người tốt nghiệp trình độ đại học															
19	34	Lý Trường	Hà	06/7/1990	Nam	Khoa học môi trường & Quản lý môi trường	Đại học	5.88	Trung bình	2012		1	18.39		
20	40	Tạ Thị Mỹ	Hà	15/8/1982	Nữ	Chăn nuôi	Đại học	6.50	TB Khá	2013		1	20.25	XLTN	
21	35	Đào Xuân	Hùng	28/01/1994	Nam	Chăn nuôi	Đại học	7.04	Khá	2018		1	21.87		
22	36	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	02/02/1990	Nữ	Chăn nuôi	Đại học	7.56	Khá	2012		1	23.43		
23	41	Đào Thị Thùy	Linh	13/01/1992	Nữ	Chăn nuôi	Đại học	8.30	Giỏi	2015		1	25.65		
24	38	Tạ Thị Kim	Oanh	25/7/1990	Nữ	Chăn nuôi	Đại học	7.42	Khá	2012		1	23.01		
25	33	Lê Vĩnh	Thắng	12/10/1990	Nam	Y tế công cộng	Đại học	6.66	Trung bình	2016		2	20.23		
26	39	Đặng Thị	Thiệt	01/3/1990	Nữ	Chăn nuôi	Đại học	7.10	Khá	2012		1	22.05		
27	37	Nguyễn Thị Hoài	Thương	09/8/1990	Nữ	Chăn nuôi	Đại học	6.73	TB Khá	2013		1	20.94		

Danh sách gồm 27 thí sinh.